

Số: 14/2023/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 07 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều
kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 04/TTr-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về ban hành Nghị quyết Quy định một
số nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp
trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 81/BC-HĐND ngày
26 tháng 6 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hướng dẫn lập và phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đúng theo quy định.

2. Các chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 1206/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2023; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 08 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**
(Kèm theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào thì ngân sách cấp đó chi. Hàng năm, căn cứ chế độ, định mức chi theo Nghị quyết này, cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân các cấp lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí với ngân sách cùng cấp.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng chế độ, định mức, đối tượng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Hội đồng nhân dân đã được cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân cấp chi theo quy định này thì không được thanh toán các khoản chi cùng nội dung nêu trên tại cơ quan, đơn vị công tác.

4. Các nội dung, mức chi, hỗ trợ đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Một số nội dung chi chưa quy định cụ thể mức chi và giao theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết này, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ vào dự toán ngân sách được giao và điều kiện thực tế, tình hình hoạt động của Hội

đồng nhân dân ở địa phương để quy định cụ thể.

6. Trường hợp đơn vị đã thực hiện chi các nội dung chi, hỗ trợ theo năm, theo nhiệm kỳ (2021 – 2026), trước thời gian Nghị quyết này có hiệu lực, với mức chi thấp hơn mức chi tại Quy định này thì tiếp tục chi bổ sung để bằng mức chi mới, trường hợp chi cao hơn thì áp dụng theo mức chi đó.

Chương II **MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI, HỖ TRỢ CỤ THỂ**

Điều 4. Hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ đơn vị, điểm tiếp xúc cử tri: Trường hợp đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm, mức chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri theo quy định của Đoàn Đại biểu Quốc hội. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm, chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri do Hội đồng nhân dân cấp cao nhất đảm bảo, mức chi như sau:

a) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 5.000.000 đồng/điểm;

b) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 2.500.000 đồng/điểm;

c) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 1.500.000 đồng/điểm.

2. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri

a) Cấp tỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ): 100.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 75.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ): 50.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 50.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ): 25.000 đồng/người/buổi.

Điều 5. Hoạt động tiếp công dân

Chi cho cá nhân thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân (gồm: đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ sở, ban, ngành được trung tập và công chức phục vụ): Mức chi thực

hiện như Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về nội dung, mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 6. Hoạt động giám sát (giám sát chuyên đề, khảo sát; thẩm tra)

1. Hỗ trợ cho đơn vị tổ chức làm việc với đoàn giám sát, khảo sát

a) Đoàn giám sát, khảo sát cấp tỉnh chi hỗ trợ: 5.000.000 đồng/đơn vị (trừ các sở, ban, ngành cấp tỉnh);

b) Đoàn giám sát, khảo sát cấp huyện chi hỗ trợ: 2.500.000 đồng/đơn vị (trừ các phòng, ban, ngành cấp huyện);

b) Đoàn giám sát, khảo sát cấp xã chi hỗ trợ: 1.500.000 đồng/đơn vị (trừ các cơ quan, đơn vị cấp xã).

2. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra; họp Đoàn giám sát, khảo sát

a) Cấp tỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ): 100.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 75.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ): 50.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã

Đại biểu Hội đồng nhân dân: 50.000 đồng/người/buổi;

Thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ): 25.000 đồng/người/buổi.

3. Căn cứ mức chi tại khoản 2 Điều này, đại biểu là Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát, khảo sát, chủ trì thẩm tra được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

Điều 7. Hỗ trợ công tác phí tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân

Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời được đảm bảo chế độ công tác phí (tiền phương tiện, phụ cấp lưu trú và tiền thuê phòng nghỉ) theo quy định hiện hành. Ngoài ra, trong trường hợp tự túc phương tiện khi tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ thêm với các mức như sau:

1. Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày;
2. Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;
3. Cấp xã: 75.000 đồng/người/ngày.

Điều 8. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, với mức hỗ trợ:

a) Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm. Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân là nữ được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người/năm;

b) Cấp huyện và cấp xã: Mức hỗ trợ do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định nhưng không quá mức hỗ trợ tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Trong năm, mỗi công chức, người lao động Văn phòng phục vụ Hội đồng nhân dân được hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ bằng 50% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Hỗ trợ may lễ phục

1. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ may lễ phục như sau:

a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ;

b) Cấp huyện và cấp xã: Mức hỗ trợ do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định nhưng không quá mức hỗ trợ tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mỗi công chức, người lao động Văn phòng phục vụ Hội đồng nhân dân được hỗ trợ may lễ phục bằng 50% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ đại biểu nghiên cứu

Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, với mức hỗ trợ:

1. Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng;

2. Cấp huyện: Không quá 400.000 đồng/người/tháng, mức hỗ trợ cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định;

3. Cấp xã: Không quá 200.000 đồng/người/tháng, mức hỗ trợ cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.

Điều 11. Hỗ trợ học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Hỗ trợ kinh phí (ngoài các chế độ được hưởng theo quy định hiện hành) cho đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức và người lao động Văn phòng phục vụ Hội đồng nhân dân khi được Thường trực Hội đồng nhân dân cử đi dự hội nghị chuyên đề, học tập, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ ngoài tỉnh, như sau:

a) Cấp tỉnh: Không quá 5.000.000 đồng/người/đợt, mức hỗ trợ cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định;

b) Cấp huyện và cấp xã: Mức hỗ trợ do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định nhưng không quá mức hỗ trợ tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi tổ chức cho đại biểu bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập, trao đổi kinh nghiệm liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, các chuyến đi công tác ngoài tỉnh, theo kế hoạch, chương trình, đề án được Thường trực Hội đồng nhân dân phê duyệt, quyết định tùy tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách.

Điều 12. Hỗ trợ khai thác thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân

1. Hỗ trợ kinh phí khai thác thông tin, tài liệu cho đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng;

b) Cấp huyện: 250.000 đồng/người/tháng;

c) Cấp xã: 150.000 đồng/người/tháng.

2. Mức chi hỗ trợ trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định tùy tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách.

Điều 13. Phục vụ kỳ họp, các hoạt động của Thường trực, các Ban và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chi hoạt động tại kỳ họp, thảo luận Tổ trước Kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động kỳ họp của Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân là 150.000 đồng/người/buổi; Mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ) là 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân là 75.000 đồng/người/buổi; Mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ) là 50.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân là 50.000 đồng/người/buổi; Mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ) là 25.000 đồng/người/buổi.

b) Căn cứ mức chi tại điểm a, khoản 1 Điều này, đại biểu là Chủ tọa kỳ họp, Chủ trì phiên thảo luận Tổ được hưởng thêm 100% mức chi tương ứng và Thư ký được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định mức chi đối với các đơn vị phối hợp tổ chức, phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Phục vụ tổ chức hội, họp (phiên họp giải trình, chất vấn; hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân; hội nghị, hội thảo lấy ý kiến đóng góp văn bản do Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân chủ trì; hội nghị tập huấn, bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân; hội nghị chuyên đề khác)

a) Chi cá nhân tham dự, phục vụ các cuộc hội, họp của Thường trực Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân là 150.000 đồng/người/buổi; Mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ) là 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp huyện: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân là 75.000 đồng/người/buổi; Mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ) là 50.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: Mức chi đối với đại biểu Hội đồng nhân dân là 50.000 đồng/người/buổi; Mức chi đối với thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, công chức và người lao động phục vụ) là 25.000 đồng/người/buổi.

b) Căn cứ mức chi tại điểm a, khoản 2 Điều này, đại biểu là Chủ trì được hưởng thêm 100% mức chi tương ứng; Thư ký được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

c) Chi hội, họp do các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức: Mức chi bằng 70% mức chi tương ứng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều này.

3. Chế độ ăn, nước uống tại các kỳ họp, thảo luận Tổ; họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; cuộc họp, phiên họp giải trình, chất vấn, hội nghị, hội thảo do Văn phòng phục vụ, mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.

Điều 14. Thực hiện nhiệm vụ chính trị của Hội đồng nhân dân

1. Mức chi thăm, viếng, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân

a) Đối với tổ chức

Cấp tỉnh: Không quá 10.000.000 đồng/tổ chức/lượt;

Cấp huyện và cấp xã: Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định nhưng không quá mức chi cấp tỉnh.

b) Đối với cá nhân

Cấp tỉnh: Không quá 3.000.000 đồng/người/lượt;

Cấp huyện và cấp xã: Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định nhưng không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Đối tượng thăm, viếng, hỗ trợ

a) Thăm các tổ chức, cơ quan, đơn vị; tổ chức xã hội, tôn giáo, dân tộc; lực lượng vũ trang; cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; cơ sở chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội; gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ, người có công với

cách mạng; người có uy tín, nhân sĩ trí thức; hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; trẻ em mồ côi, người già cô đơn, người tàn tật không nơi nương tựa;

b) Thăm hỏi, hỗ trợ khi gặp hoàn cảnh khó khăn, tai nạn, ốm đau; viếng lễ tang đối với cá nhân là: đại biểu Hội đồng nhân dân; công chức, người lao động Văn phòng; cha, mẹ ruột; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) và con của đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng;

c) Hỗ trợ mua quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân hoặc thôi giữ chức danh do Hội đồng nhân dân bầu, nghỉ hưu, chuyển công tác khác.

3. Căn cứ định mức chi và đối tượng chi thực hiện nhiệm vụ chính trị được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định mức chi đối với từng trường hợp cụ thể. Trường hợp đặc biệt khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định.

Điều 15. Hỗ trợ soạn thảo và ban hành văn bản

1. Xây dựng báo cáo của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân về ý kiến, kiến nghị của cử tri

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 250.000 đồng/văn bản.

2. Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 500.000 đồng/văn bản;
- c) Cấp xã: 250.000 đồng/văn bản.

3. Xây dựng văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 750.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp xã: 400.000 đồng/văn bản.

4. Xây dựng kế hoạch (bao gồm đề cương), báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/văn bản;
- c) Cấp xã: 750.000 đồng/văn bản.

5. Xây dựng kế hoạch (bao gồm đề cương), báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản;

b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/văn bản;

c) Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản.

6. Xây dựng báo cáo thẩm tra các văn bản (trừ các nghị quyết quy phạm pháp luật)

a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản;

b) Cấp huyện: 750.000 đồng/văn bản;

c) Cấp xã: 400.000 đồng/văn bản.

7. Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả thẩm tra trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản;

b) Cấp huyện: 500.000 đồng/văn bản;

c) Cấp xã: 250.000 đồng/văn bản;

8. Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu qua thảo luận tổ trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản;

b) Cấp huyện: 500.000 đồng/văn bản;

c) Cấp xã: 250.000 đồng/văn bản.

9. Xây dựng báo cáo định kỳ của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản;

b) Cấp huyện: 500.000 đồng/văn bản;

c) Cấp xã: 250.000 đồng/văn bản.

10. Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản;

b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/văn bản;

c) Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản.

11. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định danh mục và mức chi cụ thể đối với các loại văn bản khác phục vụ trong hoạt động Hội đồng nhân dân.

12. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định tỷ lệ phần trăm phân chia cho các cá nhân tham gia quá trình soạn thảo và ban hành văn bản được quy định tại Điều này./.